

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc
(Kèm theo Công văn số: 2403/BDTTG-CS ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Khái quát chung về đặc điểm, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương; vị trí, vai trò của đồng bào các dân tộc thiểu số trong công cuộc xây dựng, phát triển, bảo vệ an ninh, quốc phòng.

2. Bối cảnh tình hình trong nước, quốc tế hiện nay tác động đến phát triển kinh tế - xã hội và công tác dân tộc của địa phương.

3. Những thuận lợi, khó khăn ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của địa phương.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, TRIỂN KHAI VÀ THỂ CHẾ HÓA CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết

- Việc tổ chức học tập, nghiên cứu, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết 24 và Kết luận 65).

- Công tác chỉ đạo, điều hành, phân công tổ chức, cá nhân phụ trách và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo thực hiện công tác dân tộc; thực hiện các chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ trong Nghị quyết 24 và Kết luận 65.

- Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 24 và Kết luận 65.

2. Công tác thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết và Kết luận

Công tác triển khai nhiệm vụ thể chế hóa, xây dựng, tham mưu hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc, chính sách dân tộc thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của tỉnh/thành phố để thực hiện các nhiệm vụ trong Nghị quyết 24 và Kết luận 65.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU, TRỌNG TÂM CỦA NGHỊ QUYẾT 24-NQ/TW VÀ KẾT LUẬN 65-KL/TW

1. Nhiệm vụ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước, phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, hoà nhập phát triển cùng với đất nước.

2. Nhiệm vụ phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS và miền núi

- Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ về kiên cố hoá đường giao thông, công trình thuỷ lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá, thông tin... các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản.

- Nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, môi trường....

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, chính sách xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào DTTS và phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS&MN từ khi ban hành Nghị quyết đến nay (bám sát các nhiệm vụ chủ yếu, trọng tâm trong Nghị quyết 24 và Kết luận 65), tập trung vào một số nội dung chính như:

- Các chương trình, chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, an sinh xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững vùng DTTS&MN.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất chất lượng cao; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, tạo sản phẩm đặc sản giá trị cao; bảo vệ môi trường sinh thái; tạo sinh kế cho người dân...

- Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, đào tạo nghề, lao động, việc làm, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN.

- Công tác văn hóa, bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số; nâng cao hưởng thụ văn hóa của người dân và chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình phục vụ đồng bào các dân tộc thiểu số. Xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, trong đó có các hủ tục lạc hậu về hôn nhân như tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào DTTS&MN. Tăng cường hợp tác, đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân vùng biên giới.

- Phát triển nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đội ngũ các bộ DTTS. Các chính sách đặc thù về tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ cho người DTTS và cán bộ người DTTS...

- Đảm bảo tự do tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện nghiêm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Các hoạt động, nỗ lực giúp phụ nữ DTTS nâng cao tri thức, năng lực, cơ hội phát triển nghề nghiệp, vị thế, kinh tế trong xã hội.

- Nhiệm vụ phát huy vai trò tích cực của người có uy tín trong đồng bào DTTS; biểu dương, tôn vinh người tiêu biểu có uy tín, doanh nhân, nhà khoa học trong cộng đồng các DTTS có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nhiệm vụ nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc

- Công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung, tích hợp các chính sách hiện hành để hoàn thiện hệ thống chính sách có liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đổi mới phương thức xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, mô hình tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết

Đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển kinh tế, tỷ lệ giảm nghèo, xóa tình trạng nhà dột nát, hạ tầng xã hội cơ bản, công tác định canh định cư, di cư tự do và bảo vệ môi trường sinh thái...

2. Thành tựu đạt được trong các lĩnh vực

- Về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo vùng DTTS&MN
- Văn hóa, giáo dục, y tế
- An ninh, quốc phòng
- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc.

3. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế
- Nguyên nhân (Chủ quan, Khách quan)

4. Một số bài học kinh nghiệm

V. ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRONG THỜI GIAN TỚI

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư
2. Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
3. Bộ, Ban, ngành Trung ương

**BIỂU TỔNG HỢP MỘT SỐ THÔNG TIN, SỐ LIỆU CƠ BẢN
VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ¹**

(Kèm theo Công văn số: /BDTTG-CS ngày tháng năm 2026)

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Đơn vị tính	Ghi chú
1.	Dân số DTTS			Người	
2.	Hộ nghèo DTTS			Hộ	
3.	Tốc độ giảm nghèo bình quân hàng năm			%	
4.	Đảng viên người DTTS/tổng số đảng viên			Đảng viên	
5.	Tổng số thôn (bản, phum, sóc) chưa có chi bộ Đảng/Tổng số thôn toàn tỉnh			Thôn	
6.	Tốc độ tăng trưởng GDP			%	
7.	Thu nhập bình quân đầu người (số liệu chung của tỉnh)			vnd/người /tháng	
8.	Thu nhập bình quân đầu người DTTS			vnd/người /tháng	
9.	Xóa nhà tạm, nhà dột nát			Căn	
10.	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở			Hộ	
11.	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở			Hộ	
12.	Giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất			Hộ	

¹ Số liệu tính đến thời điểm báo cáo (lũy kế đến năm 2026).

13.	Hỗ trợ nước sinh hoạt			Hộ	
14.	Đường giao thông đến xã được cứng hóa			Km	
15.	Sử dụng điện lưới quốc gia			Hộ	
16.	Sử dụng nước sạch hợp vệ sinh			Hộ	
17.	Kết quả phổ cập giáo dục			Cấp học	
18.	Kết quả dạy chữ, tiếng DTTS trên địa bàn			Người học	
19.	Xóa mù chữ			Người	
20.	Bảo hiểm y tế			Người	
21.	Cơ sở khám chữa bệnh đạt chuẩn			Cơ sở	
22.	Suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi			Trẻ em	
23.	Phụ nữ DTTS được khám thai định kỳ			Phụ nữ	
24.	Tỷ lệ người DTTS được xem truyền hình/nghe đài TNVN			Người	
25.	Lao động DTTS trong độ tuổi có nhu cầu chuyển đổi nghề được đào tạo, chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu			Người	
26.	Số lượng công chức người DTTS/tổng số			Người	